

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 03 NĂM 2025

LTT: 2.340.000 đ

Đơn vị tính: Đồng/VNĐ

STT	Họ và tên	1. Lương cơ bản										BHYT		BHTN		Kế P	Số phụ cấp	Chức vụ				
		Đơn vị tính	Hệ số cơ bản	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Hệ số phụ cấp	Trích vào BHYT	Trích vào BHYT	Trích vào BHTN	Trích vào BHTN							
TỔNG CỘNG		100.200	2.400	0.000	6.000	52.632	0.200	10.806	180.312	418.092,354	418.092,354	712	48.147,413	22.010,246	8.253,862	4.126,921	2.751,281	2.751,281	6.652,437	390.203,097		
NGÂN SÁCH		90.200	2.400	0.000	6.000	52.632	0.200	10.807	180.809	400.729,554	400.729,554	712	46.230,953	21.134,150	7.975,306	3.962,653	2.641,769	2.641,769	5.283,537	372.990,785		
1	Hà Bích Thủy	V.07.02.25	4.65	0.50	0.00	0.20	2.58	1.39	9.32	21.798,270	21.798,270	22	2.678,335	1.224,382	459,143	229,572	153,048	153,048	306,095	20.179,269	44401885901	
2	Trần Thị Thanh Hương	V.07.02.25	4.32	0.35	0.00	0.20	2.34	0.79	8.00	18.717,426	18.717,426	22	2.237,467	1.022,842	383,566	191,783	127,855	127,855	255,711	17.374,946	44401885237	
3	Hoàng Thị Thảo	V.07.02.25	4.32	0.35	0.00	0.20	2.34	0.84	8.05	18.826,704	18.826,704	22	2.256,591	1.031,584	386,844	193,422	128,948	128,948	257,896	17.472,790	4440081745	
4	Hoàng Thị Thuý Dung	Ban.032	3.65	0.20	0.00	0.20	0.00	0.10	0.00	4.15	9.711,000	9.711,000	22	1.576,575	720,720	270,270	135,135	90,090	90,090	180,180	8.765,055	4440099678
5	Hoàng Thị Hải	V.08.03.07	2.86		0.00	0.20	0.57	0.10	0.00	3.73	8.732,880	8.732,880	22	1.171,170	533,392	200,772	100,386	66,924	66,924	133,848	8.030,178	4440099678
6	Vũ Thị Thuý Hiền	V.07.02.25	3.99	0.20	0.00	0.20	2.10	0.80	7.28	17.037,774	17.037,774	22	2.041,808	933,398	330,024	175,012	116,675	116,675	233,349	15.872,689	4440188433	
7	Vương Hồng Hạnh	V.07.02.25	4.32	0.20	0.00	0.20	2.26	0.77	7.75	18.131,256	18.131,256	22	2.165,600	989,988	371,246	185,623	123,749	123,749	247,497	16.851,896	4440298563	
8	Châu Thị Mai	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52	0.00	4.75	11.103,300	11.103,300	22	1.240,785	567,216	212,706	106,353	70,902	70,902	141,804	10.358,829	8813048808	
9	Hoàng Thị Thanh	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52	0.33	5.08	11.883,222	11.883,222	22	1.377,271	629,610	226,104	118,052	78,701	78,701	157,402	11.056,859	4440182912	
10	Nguyễn Thị Oanh	V.07.02.25	3.33	0.15	0.00	0.20	1.74	0.49	5.91	13.822,848	13.822,848	22	1.624,568	742,660	278,497	139,249	92,832	92,832	185,665	12.848,107	4440083158	
11	Đoàn Thị Liên	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52	0.33	5.08	11.883,222	11.883,222	22	1.377,271	629,610	226,104	118,052	78,701	78,701	157,402	11.056,859	4440083246	
12	Lê Thị Hải Hậu	V.07.02.26	2.66		0.00	0.20	1.33	0.00	4.19	9.804,600	9.804,600	22	1.089,270	497,952	186,732	93,366	62,244	62,244	124,488	9.151,038	4440131783	
13	Nguyễn Thị Ngân	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52	0.27	5.02	11.741,418	11.741,418	22	1.352,456	618,265	231,850	115,925	77,283	77,283	154,566	10.929,945	4440097584	
14	Vũ Thị Huyền Trang	V.07.02.26	3.03		0.00	0.00	1.52	0.00	4.55	3.545,100	3.545,100	22	Nghỉ chế độ thai sản								3.545,100	4440298785
15	Nguyễn Thị Hải	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52	0.00	4.75	11.103,300	11.103,300	22	1.240,785	567,216	212,706	106,353	70,902	70,902	141,804	10.358,829	4440298554	
16	Hà Thị Huyền Trang	V.07.02.26	2.72		0.00	0.20	1.36	0.00	4.28	10.015,200	10.015,200	22	1.113,840	509,184	190,944	95,472	63,648	63,648	127,296	9.346,896	4440161159	
17	Vũ Thị Tinh	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52	0.00	4.75	10.012,500	10.012,500	18	1.240,785	567,216	212,706	106,353	70,902	70,902	141,804	9.268,029	4440298873	
18	Bùi Thị Duyên	V.07.02.26	2.72		0.00	0.20	1.36	0.00	4.28	10.015,200	10.015,200	22	1.113,840	509,184	190,944	95,472	63,648	63,648	127,296	9.346,896	4440298882	
19	Vũ Thị Nga	V.07.02.25	3.66	0.15	0.00	0.20	1.91	0.65	6.56	15.356,718	15.356,718	22	1.825,428	834,481	312,931	156,465	104,310	104,310	208,620	14.261,461	4440138632	
20	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.07.02.26	3.34	0.20	0.00	0.20	1.77	0.50	6.01	14.053,104	14.053,104	22	1.652,578	753,464	283,299	141,650	94,433	94,433	188,866	13.061,557	4440298828	
21	Nguyễn Thị Nguyễn	V.07.02.26	2.72		0.00	0.20	1.36	0.00	4.28	10.015,200	10.015,200	22	1.113,840	509,184	190,944	95,472	63,648	63,648	127,296	9.346,896	4440332151	
22	Vũ Thị Lam	V.07.02.26	2.72		0.00	0.00	1.36		4.08	3.182,400	3.182,400	22	Nghỉ chế độ thai sản								3.182,400	4440517745
23	Vũ Thị Lợi	V.07.02.26	2.72		0.00	0.20	1.36	0.00	4.28	10.015,200	10.015,200	22	1.113,840	509,184	190,944	95,472	63,648	63,648	127,296	9.346,896	4440519325	

STT	Họ và tên	Lương hệ số										Tổng cộng tiền lương và BHXH được hưởng	Ngày hưởng lương thực tế	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ	Số thực lĩnh	Ghi chú
		Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số PC CV	Hệ số PC VK	Hệ số PC KV	Hệ số PC UĐ	Hệ số PC TN	Hệ số PC TN GV	Cộng hệ số	Tiền lương tháng			Trích vào CP	Trừ vào lương	Trích vào CP	Trừ vào lương	Trích vào CP	Trừ vào lương	Trích vào CP		
24	Bùi Thu Ban	V.07.02.26	3.03		0.00	0.20	1.52		0.39	5.14	12,025,026	12,025,026	22	1,402,087	640,954	240,358	120,179	80,119	80,119	160,239	11,183,774	4440148765
25	Ngô Thu Thu Sao	V.07.02.26	3.03		0.00	0.00	1.52		0.39	4.94	3,545,100	3,545,100	22									
26	Trần Thu Hồng	V.07.02.26	2.72	0.15	0.00	0.20	1.44		0.00	4.51	10,541,700	10,541,700	22	Nghỉ chế độ thai sản							3,545,100	4440237830
27	Lê Thị Kiều	V.07.02.26	2.66		0.00	0.20	1.33		0.00	4.19	9,804,600	9,804,600	22	1,175,265	537,264	201,474	100,737	67,158	67,158	134,316	9,836,541	4440363799
28	Nguyễn Thu Sang	V.07.02.26	2.10		0.00	0.20	1.05		0.00	3.35	7,839,000	7,839,000	22	1,089,270	497,952	186,732	93,366	62,244	62,244	124,488	9,151,038	4440363771
29	Nguyễn Thị Nhung	V.07.02.26	3.96		0.00	0.20	1.98		0.79	6.93	16,220,880	16,220,880	22	859,950	393,120	147,420	73,710	49,140	49,140	98,280	7,323,030	4420716113
30	Mạch Thị Khánh Liên	V.07.02.26	3.96		0.00	0.20	1.98		0.71	6.85	16,035,552	16,035,552	22	1,945,944	889,574	333,590	166,795	111,197	111,197	222,394	15,053,314	4440475171
31	Vũ Thị Hải Yến	V.07.02.26	3.34		0.00	0.20	1.51		0.50	5.71	13,363,740	13,363,740	22	1,913,512	874,748	328,031	164,015	109,344	109,344	218,687	14,887,445	4440030899
32	Nguyễn Thị Hiền	V.07.02.26	3.99		0.00	0.20	2.00		0.76	6.94	16,246,854	16,246,854	22	1,572,890	719,035	269,638	134,819	89,879	89,879	179,759	12,420,006	4440046391
33	Đào Thị Dung	V.07.02.26	3.66		0.00	0.20	1.83		0.55	6.24	14,599,260	14,599,260	22	1,944,347	888,844	333,317	166,658	111,106	111,106	222,211	15,080,246	8823048877
	HỢP ĐỒNG		4.680	0.000	0.000	0.400	2.340	0.000	0.000	7.420	17362800.000	17362800.000	44.000	1,723,586	787,925	295,472	147,736	98,491	98,491	196,981	13,565,109	4440013526
1	Nguyễn Thị Thu Hiền		2.34		0.00	0.20	1.17		0.00	3.71	8,681,400	8,681,400	22	1,916,460	876,096	328,536	164,268	109,512	109,512	1,368,900	16,212,924	
2	Nguyễn Thị Biên		2.34		0.00	0.20	1.17		0.00	3.71	8,681,400	8,681,400	22	958,230	438,048	164,268	82,134	54,756	54,756	109,512	8,106,462	4440240342
													22	958,230	438,048	164,268	82,134	54,756	54,756	109,512	8,106,462	8824172600
Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu hai trăm lẻ ba ngàn chín trăm lẻ bảy đồng chẵn.																						

Ghi chú:

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Chữ ký)

Hoàng Thị Thủy Dung

Móng Cái, ngày 05 tháng 03 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Bích Thủy